

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 10/02/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui (họ)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**

2- Bà **Phạm Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng về góp hui (họ)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1993. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1976 và ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1966. (Cả 02 đều vắng mặt, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp HB, xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2022 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày và yêu cầu như sau:

Anh có tham gia các dây hui do vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Huỳnh Văn P làm chủ hui, cụ thể:

Dây hội ngày 09/12/2019 âm lịch, một tháng xỏ 01 lần, hội 1.000.000đ/phần, có 25 người tham gia. Anh tham gia 01 phần, đóng hội được 21 lần với số tiền là 14.010.000đ (Mười bốn triệu không trăm mười ngàn đồng).

Dây hội ngày 28/4/2020 âm lịch, một tháng xỏ 01 lần, hội 1.000.000đ/phần, có 25 người tham gia. Anh tham gia 03 phần, đóng hội được 14 lần với số tiền là 27.300.000đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Dây hội ngày 07/6/2020 âm lịch, một tháng xỏ 01 lần, hội 2.000.000đ/phần, có 22 người tham gia. Anh tham gia 04 phần, đóng hội được 13 lần với số tiền là 74.440.000đ (Bảy mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Dây hội ngày 06/7/2020 âm lịch, một tháng xỏ 01 lần, hội 3.000.000đ/phần, có 19 người tham gia. Anh tham gia 02 phần, đóng hội được 12 lần với số tiền là 53.960.000đ (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Sau khi anh đóng được số tiền của các dây hội trên thì bà H, ông P tuyên bố bế hội đến nay chưa trả số tiền hội cho anh.

Tổng số tiền hội anh đã góp cho vợ chồng bà H, ông P là 169.710.000đ (Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng). Ngày 27/10/2020 vợ chồng bà H, ông P có trả cho anh được số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), tiếp đến ngày 13/12/2020 trả thêm 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Như vậy số tiền hội bà H, ông P còn nợ anh là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Anh đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu vợ chồng bà H, ông P trả số tiền trên nhưng vợ chồng bà H, ông P chỉ hứa hẹn mà không trả tiền cho anh. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Huỳnh Văn P trả cho anh số tiền hội còn nợ là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Theo ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn D thì bà thừa nhận có làm chủ các dây hội mà anh D tham gia và còn nợ anh D số tiền là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) đúng như anh D trình bày nhưng do khi làm chủ hội thì nhiều tay em khác hốt hội của bà rồi bỏ địa phương đi không đóng hội nữa nên bị bế hội và hiện nay bà không còn khả năng thanh toán, tài sản của bà hiện tại cũng đã bị thi hành án kê biên để phát mãi đối với nhưng vụ án khác. Hiện bà mới xin được việc làm với mức lương 4.000.000đ/tháng nhưng trong khi đó bà còn

thiếu nợ rất nhiều người và họ đang khởi kiện bà tại Tòa án nên bà phải chia ra để trả nợ cho nhiều người.

Việc bà tổ chức làm chủ các dây hụi mà anh D tham gia thì ông P chồng bà không biết, mặt khác giữa bà và ông P đã ly hôn với nhau từ năm 2017 nên số tiền nợ của anh D thì ông P không biết.

Theo yêu cầu của anh D đề nghị bà trả số tiền 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) trong vòng 01 tháng thì bà không có khả năng. Bà đề nghị thanh toán cho anh D số tiền nợ nêu trên theo phương thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi thanh toán nợ xong.

Bị đơn ông Huỳnh Văn P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa anh Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị H thống nhất xác định: Về số tiền nợ hụi là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) và trách nhiệm thanh toán thì anh D chỉ yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả số tiền nợ này, không yêu cầu ông P phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Văn P anh đề nghị rút lại.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn D vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án là yêu cầu bà H trả cho anh số tiền nợ hụi 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng), thời gian trả trong vòng 01 tháng. Đối với yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Văn P anh đề nghị rút lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với bà Phạm Thị H là tranh chấp hợp đồng góp họ, cụ thể hợp đồng được xác lập từ năm 2019 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn P được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc bà H xin vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

Mặc dù, bà Phạm Thị H cho rằng giữa bà với chồng bà là ông Huỳnh Văn P đã ly hôn với nhau vào năm 2017 nhưng bà H chưa cung cấp cho Tòa án Quyết định hay Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án thể hiện đã giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn với nhau.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn D đề nghị rút lại rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Văn P, vì cho rằng việc tham gia góp hội thì anh chỉ giao dịch trực tiếp với bà H, ông P không biết và cũng không có tham gia.

Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Văn P của anh Nguyễn Văn D là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận để đình chỉ.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H trả số tiền còn nợ từ việc tham gia góp hội là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa anh D và bà H đã thống nhất xác định nghĩa vụ mà bà H phải có trách nhiệm thực hiện với số tiền là 159.710.000đ nhưng về thời gian thanh toán các bên không thỏa thuận được. Anh D yêu cầu thanh toán số tiền này trong thời hạn 01 tháng còn bà H đề nghị thanh toán mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi trả đủ số tiền nợ trên.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được về thời gian thanh toán số tiền nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thỏa thuận của các bên, đồng thời cũng không thể buộc bà H trả cho anh D số tiền theo thời gian mà anh D yêu cầu, cũng như là không chấp nhận theo ý kiến của bà H là thanh toán số tiền cho anh D theo hàng tháng, mỗi tháng là 500.000đ.

Bởi theo quy định của pháp luật hiện hành thì nếu như các bên đã thống nhất xác định được số lượng nợ với nhau mà không thỏa thuận được thời gian thanh toán thì Tòa án chỉ giải quyết buộc người nào phải trả cho người khác tiền hay hiện vật khác số lượng là bao nhiêu chứ không thể buộc trả vào thời điểm nào.

Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên để buộc bà H phải trả cho anh D số tiền 159.710.000đ, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là

$159.710.000đ \times 5\% = 7.985.500đ$ (Bảy triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003488 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với ông Huỳnh Văn P về tranh chấp hợp đồng góp hội (họ).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với bà Phạm Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hội (họ).

Buộc bà Phạm Thị H trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền nợ hội là 159.710.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $159.710.000đ \times 5\% = 7.985.500đ$ (Bảy triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003488 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/02/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh